

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
**Số: 93/Daesang/2026**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: Chi nhánh công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương  
Địa chỉ: Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

E-mail: daesang.rd@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 2600109933-009

Giấy chứng nhận FSSC 22000 số: VN20/00088 ngày chứng nhận 17/03/2020 do SGS United Kingdom Ltd cấp. Được gia hạn từ ngày 17/03/2026 có hiệu lực đến hết ngày 16/03/2029.

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: TOKPOKKI HÀN QUỐC VỊ PHÔ MAI**

**2. Thành phần:**

- Bánh gạo (220 g): Gạo, nước, muối, chất điều chỉnh độ acid (INS270, INS325, INS330, INS575), cón thực phẩm, chất ổn định (INS414, INS471), đường trehalose, dầu đậu nành.  
- Gói sốt (80 g): Nước, đường, đường ngô (HFCS), hành, muối, bột gia vị phô mai (3% (bột sữa, bột phô mai (20%), chiết xuất nấm men, chất tạo màu tổng hợp (INS102, INS110)), chất làm dày (INS1422, INS415), tỏi, cón thực phẩm, bột hỗn hợp phô mai (1% (bột whey, bột phô mai (32%), chất làm dày (INS1442), chất béo thực vật (từ dừa), chất điều chỉnh độ acid (INS270), chất ổn định (INS340(ii), INS452(ii)), chất chống đông vón (INS551, INS341(iii)), chất nhũ hóa (INS471), chất tạo màu tổng hợp (INS102, INS129)), ớt, vừng, hành lá, chất điều chỉnh độ acid (INS330), chất điều vị (INS621, INS631, INS627), chất tạo màu tự nhiên (INS160c(i)), hương liệu: hương phô mai tự nhiên và tổng hợp, maltodextrin, chiết xuất Yucca, bột vi khuẩn lactic lên men.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

Thời hạn sử dụng: 12 tháng.

+ Ngày sản xuất (NSX): được in trên bao bì của sản phẩm.

+ Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Bao bì: phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định bộ Y tế.

+ Chất liệu bao bì: Gói bao ngoài (PET/LLDPE), gói bánh gạo (AloxPET/PA/LLDPE), gói sốt (PA/MPET/LLDPE) hoặc các chất liệu khác phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định bộ Y tế

- Quy cách bao gói: 135 g; 140 g; 145 g; 280 g; 300 g; 320 g; 420 g; 600 g hoặc các quy cách theo yêu cầu của khách hàng.



**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

**Sản phẩm của:** CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM.

Địa chỉ: Phố Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

**Sản xuất tại:** Chi nhánh công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương.

Địa chỉ: Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

**Xuất xứ:** Việt Nam.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm
- Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.
- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 93:2026/DAESANG

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

*Hải Phòng, ngày 23 tháng 04 năm 2026*

**Chi nhánh công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương**



**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY  
PARK JUNGIL**

Hải Phòng, ngày 23 tháng 04 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành và công bố áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở**

**GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ban hành ngày 16 tháng 01 năm 2026 về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BKHHCN ban hành ngày 18 tháng 11 năm 2021 về Quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ nhu cầu hoạt động, sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Daesang Việt Nam;

Theo đề nghị của đại diện lãnh đạo về chất lượng;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này bản Tiêu chuẩn cơ sở:

**TCCS 93:2026/DAESANG**

**Điều 2.** Công bố việc áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở nói trên cho sản phẩm **TOKPOKKI HÀN QUỐC VỊ PHÔ MAI** do Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương sản xuất và kinh doanh – dạng gói 300 g.

**Điều 3.** Các bộ phận có liên quan có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn, thực hiện, theo dõi, cập nhật, đảm bảo sản phẩm **TOKPOKKI HÀN QUỐC VỊ PHÔ MAI** do Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương sản xuất và kinh doanh phù hợp với yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn cơ sở nói trên.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Các phòng ban công ty;
- Lưu: VT/R&D.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**



**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY  
PARK JUNGIL**

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM  
TẠI HẢI DƯƠNG**

**TCCS 93:2026/DAESANG**

**Lần ban hành: 01**

**Lần sửa đổi: 00**

**TOKPOKKI HÀN QUỐC VỊ PHÔ MAI**



**(Dạng gói 300 g)**

**HẢI PHÒNG - 2026**



**TCCS 93:2026/DAESANG**

**TOKPOKKI HÀN QUỐC VỊ PHÔ MAI**

<b>Nội dung</b>	<b>Biên soạn</b>	<b>Soát xét</b>
<b>Họ và tên:</b>	<b>Trần Thị Soa</b>	<b>Nguyễn Thị Thu Thương</b>
<b>Chức danh:</b>	<b>Nhân viên R&amp;D</b>	<b>Đội trưởng R&amp;D</b>
<b>Chữ ký:</b>		

*Hải Phòng, ngày 23 tháng 04 năm 2026*

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**



**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY  
PARK JUNGIL**

**Mục lục**

1	Phạm vi áp dụng.....	3
2	Tài liệu viện dẫn.....	3
3	Yêu cầu kỹ thuật.....	3
	3.1. Yêu cầu cảm quan.....	3
	3.2. Chỉ tiêu dinh dưỡng.....	4
4	Yêu cầu về an toàn thực phẩm.....	4
	4.1. Chỉ tiêu vi sinh vật.....	4
	4.2. Chỉ tiêu độc tố vi nấm.....	5
	4.3. Dư lượng kim loại nặng.....	5
	4.4. Phụ gia thực phẩm.....	5
5	Bao gói, ghi nhãn, bảo quản.....	6
	5.1. Bao gói.....	6
	5.2. Ghi nhãn.....	6
	5.3. Bảo quản.....	6

**Lời nói đầu**

Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 93:2026/DAESANG do Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương phê duyệt ban hành theo Quyết định số 93/2026/QĐ-DAESANG.

Trong quá trình áp dụng, Tiêu chuẩn này có thể được sửa đổi, bổ sung, thu hồi, huỷ bỏ cho phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật.

Việc sửa đổi, bổ sung, thu hồi, huỷ bỏ phải tuân thủ quy định về kiểm soát tài liệu của Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương.

## 1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định áp dụng cho sản phẩm **Tokpokki Hàn Quốc vị phô mai** do Chi Nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương sản xuất và kinh doanh.

## 2. Tài liệu viện dẫn:

Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về *Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa*

Thông tư 24/2019/TT-BYT, *Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm*

Thông tư 17/2023/TT-BYT, *Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm*

QCVN 8-1:2011/BYT, *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm*

QCVN 8-2:2011/BYT, *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm*

## 3. Yêu cầu kỹ thuật

### 3.1 Yêu cầu cảm quan:

Các yêu cầu cảm quan đối với sản phẩm **Tokpokki Hàn Quốc vị phô mai** được quy định trong Bảng 1.

**Bảng 1 – Yêu cầu cảm quan**

Chỉ tiêu	Yêu cầu
1. Màu sắc	Bánh gạo: màu trắng đặc trưng của sản phẩm.
	Sốt: màu vàng đến vàng cam đặc trưng của sản phẩm.
2. Mùi, vị	Mùi vị đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ.

### 3.2 Chỉ tiêu dinh dưỡng

Các chỉ tiêu dinh dưỡng đối với sản phẩm Tokpokki Hàn Quốc vị phô mai được quy định trong Bảng 2.

**Bảng 2 – Chỉ tiêu dinh dưỡng**

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Năng lượng, kcal/100g	Từ 166 đến 277
2. Carbohydrat, g/100g	Từ 38,1 đến 64,3
3. Chất đạm, g/100g	Từ 2,2 đến 4,2
4. Chất béo, g/100g, không lớn hơn	1,2
5. Natri, mg/100g, không lớn hơn	796
6. Đường tổng số, g/100g	Từ 7 đến 13

## 4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

### 4.1 Chỉ tiêu vi sinh vật

Các chỉ tiêu vi sinh vật đối với sản phẩm Tokpokki Hàn Quốc vị phô mai được quy định trong Bảng 3.

**Bảng 3 – Chỉ tiêu vi sinh vật**

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g, không lớn hơn	$10^6$
2. <i>Coliforms</i> , CFU/g, không lớn hơn	$10^3$
3. <i>E.coli</i> , CFU/g, không lớn hơn	$10^2$
4. <i>Cl.perfringens</i> , CFU/g, không lớn hơn	$10^2$
5. <i>B.cereus</i> , CFU/g, không lớn hơn	$10^2$
6. Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc, CFU/g, không lớn hơn	$10^3$

#### 4.2 Chỉ tiêu độc tố vi nấm

Các chỉ tiêu độc tố vi nấm đối với sản phẩm **Tokpokki Hàn Quốc vị phô mai** được quy định trong Bảng 4.

**Bảng 4 – Chỉ tiêu độc tố vi nấm**

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2), $\mu\text{g}/\text{kg}$ , không lớn hơn	4
2. Aflatoxin B1, $\mu\text{g}/\text{kg}$ , không lớn hơn	2
3. Ochratoxin A, $\mu\text{g}/\text{kg}$ , không lớn hơn	3

#### 4.3 Dư lượng kim loại nặng

Các chỉ tiêu kim loại nặng đối với sản phẩm **Tokpokki Hàn Quốc vị phô mai** được quy định trong Bảng 5.

**Bảng 5 – Dư lượng kim loại nặng**

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Chì (Pb), $\text{mg}/\text{kg}$ , không lớn hơn	0,2
2. Cadmi (Cd), $\text{mg}/\text{kg}$ , không lớn hơn	0,4

#### 4.4 Phụ gia thực phẩm

Các yêu cầu phụ gia thực phẩm đối với sản phẩm **Tokpokki Hàn Quốc vị phô mai** được quy định trong Bảng 6.

**Bảng 6 – Yêu cầu về phụ gia thực phẩm**

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Tartrazin (INS102), $\text{mg}/\text{kg}$ , không lớn hơn	100
2. Sunset yellow FCF (INS110), $\text{mg}/\text{kg}$ , không lớn hơn	300
3. Allura red AC (INS129), $\text{mg}/\text{kg}$ , không lớn hơn	300
4. Dikali hydro phosphat (INS340(ii)), $\text{mg}/\text{kg}$ , không lớn hơn	2200
5. Kali polyphosphat (INS452(ii)), $\text{mg}/\text{kg}$ , không lớn hơn	2200
6. Tricalci phosphat (INS341(iii)), $\text{mg}/\text{kg}$ , không lớn hơn	2200

## 5. Bao gói, ghi nhãn, bảo quản

### 5.1 Bao gói

Sản phẩm phải được đóng gói trong bao bì phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định bộ Y tế.

### 5.2 Ghi nhãn

Nhãn sản phẩm **Tokpokki Hàn Quốc vị phô mai** được ghi trên bao bì theo quy định tại nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa

### 5.3 Bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sử dụng hết sau khi đã mở bao bì.





# Tokpokki Hàn Quốc vị phô mai

## 떡볶이 | 치즈맛

Korean tokpokki cheese flavor  
Dễ dàng làm món Tokpokki ngon tại nhà

**Bánh gạo to hơn, ăn đã hơn**  
Công nghệ Hàn Quốc

Cho 2-3 người ăn  
**300 g**



Ảnh minh họa

• Chế biến Tokpokki Hàn Quốc ngon như nhà hàng ngay tại nhà.  
• Bánh gạo mềm, sốt phô mai chuẩn vị, chóng tiêu đã định lượng phù hợp sốt và bánh gạo.  
• Tự tin làm món Tokpokki như người Hàn tại sao không?

Năng lượng	221,7	Carbohydrat	50,7	Chất đạm	3,2	Chất béo	0,6	Natri	398	Đường tổng số	10
Kcal	9	g	g	g	g	g	mg	g			

### Hướng dẫn sử dụng

- 1** Cho bánh gạo, gói sốt và khoảng 130 ml nước vào chảo/ xoong, đảo đều.
- 2** Đun sôi, đảo đều đến khi chín.
- 3** Tắt bếp và thưởng thức.

**Mách nhỏ** Có thể nấu cùng với chả cá, hành lá, hải sản... cho món ăn thêm ngon hơn.

### Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sử dụng hết sau khi đã mở bao bì.

- Sản phẩm của: **CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM** Phố Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- Sản xuất tại: **CHI NHÃNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HÀI DƯƠNG** Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điện - Lương Điền, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Tư vấn khách hàng: (024) 3768 0563
- Sản xuất theo số TTCSS 93-2026/DAESANG
- Website: <https://ofood.com.vn>
- Xuất xứ: Việt Nam
- HSD: 12 tháng kể từ NSX
- NSX:

**Thông tin cảnh báo:**  
- Không sử dụng cho người dị ứng với bất kì thành phần nào của sản phẩm.  
- Sản phẩm có chứa thành phần có nguồn gốc từ sữa, dầu nành, hạt mè (vừng).  
- Sản phẩm có chứa gói hút oxy, không ăn gói này.  
- Hiện tượng đóng hơi nước có thể xảy ra do sản phẩm có độ ẩm cao nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng, các chất dinh dưỡng nhất tẹo bánh gạo là màu của tằm hoặc cảm gạo và hoàn toàn không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.





## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

### CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG

Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, Xã Cẩm Giàng

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2603020001-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2026-00044676

Mã số Eol : 005-32410-685580  
 Tên mẫu / Tên sản phẩm : TOKPOKKI HÀN QUỐC VỊ PHÔ MAI  
 Mô tả mẫu : Mẫu thành phẩm  
 Ngày nhận mẫu : 02/03/2026  
 Thời gian kiểm nghiệm : 02/03/2026 - 09/03/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 09/03/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW019 VW (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VW014 VW (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=10)
3	VW015 VW (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VW025 VW (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
5	VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
6	VW1P9 VW Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	cfu/ g	N79-R-RD2-TP-30102 (Tham khảo AOAC 2014.05)	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	0.64
8	VW066 VW (a) Chất đậm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013	3.19
9	VW081 VW (a) Chất béo	g/ 100 g	N79-R-RD1-TP-9756 (2022) (Ref. TCVN 8136:2009 & TCVN 6555:2017)	0.53
10	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	8.85
11	VD4P0 VD (a) Fructose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	3.09
12	VD4P0 VD (a) Glucose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	2.54
13	VD4P0 VD (a) Lactose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
14	VD4P0 VD (a) Maltose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
15	VD4P0 VD (a) Sucrose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	3.22





## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00044676

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VW073 VW (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
17	VW067 VW (a) Ochratoxin A	µg/ kg	N79-R-RD1-TP-9395 (Tham khảo TCVN 12599:2018; EN 16007:2011)	Không phát hiện (LOD=0.5)
18	VDGE4 VD (a) Carbohydrat không bao gồm chất xơ	g/ 100 g	AOAC 2020.07	53.6
19	VWL74 VW Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	233
20	VW071 VW (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.03
21	VW072 VW (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.08
22	VWHGN VW (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003); N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. TCVN 7596:2007)	Không phát hiện (LOD=0.5)
23	VWHGN VW (a) Aflatoxin tổng	µg/ kg	N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003); N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. TCVN 7596:2007)	Không phát hiện (LOD=0.5)
24	VD6ZP VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	368

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



 Trần Thị Mỹ Dung  
 Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc

  
 Lý Hoàng Hải  
 Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 15/05/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 15/05/2026.



## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

### Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tại-việt-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tại-việt-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(\*Kết quả này thay cho kết quả số AR-26-VD-051737-01/743-2026-00044676, xuất ngày 13/04/2026; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)

